

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)

Phòng thi: A107

Môn thi: Kỹ năng đọc

Ca thi: 8h

Ngày thi: 02/12/2023

TT	SBD	Mã sinh viên	Mã đăng nhập	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên
1	TA27001	19810170130	SV0044836	Võ Thanh	An	25/12/2001		
2	TA27002	1781110102	SV0044837	Doãn Tuấn	Anh	12/10/1999		
3	TA27003	20810000117	SV0044838	Kiều Lan	Anh	1/10/2002		
4	TA27004	20810000108	SV0044839	Lê Thị Vân	Anh	24/12/2002		
5	TA27005	20810720274	SV0044840	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	12/12/2002		
6	TA27006	20810710180	SV0044841	Phan Quốc	Anh	19/6/2002		
7	TA27007	19810000167	SV0044842	Vũ Hoàng	Anh	1/3/2001		
8	TA27008	19810310267	SV0044843	Vũ Quang	Anh	6/1/2001		
9	TA27009	20810810028	SV0044844	Vương Thị Phương	Anh	5/10/2001		
10	TA27010	19810510119	SV0044845	Đinh Xuân	Ánh	25/2/2001		
11	TA27011	20810810017	SV0044846	Hoàng Hải	Băng	9/12/2002		
12	TA27012	18810410033	SV0044847	Trần Văn	Chung	12/10/2000		
13	TA27013	20810110304	SV0044848	Hoàng Nhật	Đăng	26/1/2002		
14	TA27014	19810310087	SV0044849	Tran Thanh	Dat	28/8/2001		
15	TA27015	2283010017	SV0044850	Lương Văn	Diện	19/8/1999		
16	TA27016	19810620036	SV0044851	Ngô Duy	Đông	15/8/2001		
17	TA27017	2272010034	SV0044852	Trần Trọng	Đông	10/1/1990		
18	TA27018	19819120152	SV0044853	Đoàn Văn	Duân	15/7/2001		
19	TA27019	19810170129	SV0044854	Đinh Sỹ	Đức	20/2/2001		
20	TA27020	1781620027	SV0044855	Nguyễn Minh	Đức	30/9/1999		
21	TA27021	1781310126	SV0044856	Đỗ Minh	Dương	12/12/1999		
22	TA27022	19810430296	SV0044857	Nguyễn Trọng	Giàu	30/8/2001		
23	TA27023	19810310038	SV0044858	Bùi Hoàng	Hà	27/6/2001		

24	TA27024	19810720275	SV0044859	Đỗ Văn	Hà	26/8/2001		
25	TA27025	19810320463	SV0044860	Nguyễn Trung	Hà	19/3/2001		
26	TA27026	18810410232	SV0044861	Đỗ Đức	Hải	25/10/2000		
27	TA27027	20810000354	SV0044862	Bùi Thị	Hạnh	24/02/2002		

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất

(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai

(ký ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)

Phòng thi: A108

Môn thi: Kỹ năng đọc

Ca thi: 8h

Ngày thi: 02/12/2023

TT	SBD	Mã sinh viên	Mã đăng nhập	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên
1	TA27028	20810720012	SV0054863	Nguyễn Thị Minh	Hạnh	6/12/2001		
2	TA27029	1781620042	SV0054864	Phạm Đức	Hậu	3/4/1999		
3	TA27030	18810340118	SV0054865	Nguyễn Tuấn	Hiệp	15/5/2000		
4	TA27031	18810310287	SV0054866	Nguyễn Tuấn	Hiệp	1/12/2000		
5	TA27032	20810000020	SV0054867	Phan Hoàng	Hiệp	4/5/2002		
6	TA27033	19810620017	SV0054868	Đỗ Lê Trung	Hiếu	3/9/2001		
7	TA27034	18810000029	SV0054869	Lại Minh	Hiếu	5/1/2000		
8	TA27035	2172010063	SV0054870	Lê Việt	Hoàng	10/7/1999		
9	TA27036	20810710129	SV0054871	Nguyễn Đức	Hoàng	17/12/2002		
10	TA27037	20810000004	SV0054872	Nguyễn Văn	Huân	27/3/2002		
11	TA27038	20810000342	SV0054873	Nguyễn Quang	Huy	18/6/2002		
12	TA27039	20810840027	SV0054874	Nguyễn Quốc	Huy	13/9/2002		
13	TA27040	19810310055	SV0054875	Phan Công	Huy	27/09/2001		
14	TA27041	20810820001	SV0054876	Đinh Phương	Huyền	22/3/2002		
15	TA27042	20810110257	SV0054877	Nguyễn Thị	Huyền	17/9/2002		
16	TA27043	19810310052	SV0054878	Trần Duy	Khánh	8/1/2001		
17	TA27044	20810160515	SV0054879	Trần Ngọc	Lâm	27/2/2002		
18	TA27045	19810170120	SV0054880	Đinh Quang	Linh	18/6/2001		
19	TA27046	21810710109	SV0054881	Nguyễn Hoàng Mai	Linh	2/7/2003		
20	TA27047	20810810023	SV0054882	Hà Thanh	Mai	11/11/2002		
21	TA27048	20810840033	SV0054883	Lê Ngọc	Mai	1/10/2001		
22	TA27049	19810820068	SV0054884	Trịnh Văn	Nam	1/7/2022		
23	TA27050	20810710141	SV0054885	Trịnh Thị Thanh	Nga	22/1/2002		

24	TA27051	18810710153	SV0054886	Kiều Thị Phương	Nhung	01/01/2000		
25	TA27052	18810320483	SV0054887	Lê Hồng	Quân	12/4/2000		
26	TA27053	19810510154	SV0054888	Nguyễn Anh	Quân	30/11/2001		
27	TA27054	18810340092	SV0054889	Nguyễn Hoàng	Quân	2/9/2000		
28	TA27055	20810710098	SV0054890	Nguyễn Minh	Quân	22/4/2002		
29	TA27056	20810820017	SV0054891	Nguyễn Minh	Quân	23/6/2002		
30	TA27057	19810720110	SV0054892	Nguyễn Hoàng	Quyền	24/9/2000		
31	TA27058	18810420002	SV0054893	Nguyễn Thế	Quyền	1/7/2000		
32	TA27059	19810000137	SV0054894	Nghiêm Hoàng	Son	18/12/2001		
33	TA27060	20810160501	SV0054895	Nguyễn Bắc	Son	16/3/2002		

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1) Phòng thi: AB101
Môn thi: Kỹ năng đọc Ca thi: 8h Ngày thi: 02/12/2023

TT	SBD	Mã sinh viên	Mã đăng nhập	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên
1	TA27061	18810430073	SV0064896	Trần Xuân	Son	15/2/2000		
2	TA27062	19810420202	SV0064897	Lê Nho Chiến	Thắng	27/12/2001		
3	TA27063	18810420153	SV0064898	Nguyễn Hoàng	Thắng	29/8/2000		
4	TA27064	20810710260	SV0064899	Vũ Đức	Thắng	22/7/2002		
5	TA27065	20810810036	SV0064900	Nguyễn Kim	Thanh	20/7/2002		
6	TA27066	19810620012	SV0064901	Đoàn Văn	Thành	6/2/2001		
7	TA27067	20810110186	SV0064902	Lê Tiến	Thành	3/5/2002		
8	TA27068	19810430227	SV0064903	Phạm Xuân	Thành	1/2/2001		
9	TA27069	20810840016	SV0064904	Vũ Phương	Thảo	25/3/2001		
10	TA27070	20810430164	SV0064905	Nguyễn Văn	Thi	27/8/2002		
11	TA27071	18810310268	SV0064906	Trần Văn	Thịnh	23/8/2000		
12	TA27072	20810430138	SV0064907	Trịnh Dương	Thọ	9/4/2002		
13	TA27073	19819120113	SV0064908	Đinh Hữu	Thuận	13/7/2001		
14	TA27074	20810110281	SV0064909	Đỗ Thị	Thương	18/11/2002		
15	TA27075	20810430137	SV0064910	Lê Văn	Thương	13/7/2002		
16	TA27076	Đầu vào CH	SV0064911	Vũ Quốc	Thường	28/09/1981		
17	TA27077	20810430179	SV0064912	Giáp Biên	Thùy	3/9/2002		
18	TA27078	20810000164	SV0064913	Nguyễn Thị Thanh	Thùy	7/2/2002		
19	TA27079	18810420158	SV0064914	Nguyễn Văn	Tiến	1/2/2000		
20	TA27080	20810000017	SV0064915	Nguyễn Quỳnh	Trang	29/12/2002		
21	TA27081	20810000075	SV0064916	Nguyễn Anh	Tú	14/3/2002		
22	TA27082	19810420184	SV0064917	Nguyễn Ngọc	Tú	22/4/2001		
23	TA27083	21810820298	SV0064918	Nguyễn Anh	Tuân	7/11/2003		

24	TA27084	19810000092	SV0064919	Tạ Minh	Tuấn	17/9/2001		
25	TA27085	20810710148	SV0064920	Sử Đức	Tuệ	2/5/2002		
26	TA27086	19810310065	SV0064921	Đỗ Hoàng	Tùng	3/8/2023		
27	TA27087	19810340608	SV0064922	Nguyễn Quang	Việt	16/2/2001		
28	TA27088	18810420141	SV0064923	Nguyễn Quốc	Việt	14/9/2000		

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)